

Số: 372/TB - UBND

Minh Khai, ngày 11 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi quý 1 năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của Quận Bắc Từ Liêm;

Ủy ban nhân dân phường Minh Khai thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2023 như sau:

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2023 (Theo biểu chi tiết đính kèm).

2. Hình thức, địa điểm và thời gian công khai:

Niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường trong thời gian 30 ngày (kể từ ngày 11/4/2023 đến hết ngày 11/5/2023) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của phường.

3. Trong thời gian công khai, nếu tập thể, cá nhân nào có ý kiến đề nghị gửi bằng văn bản tới UBND phường (qua bộ phận một cửa) để UBND phường kịp thời giải quyết.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH Quận.
- TT ĐU-UBND-MTTQ.
- Trưởng các ban ngành đoàn thể;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Bình

Đơn vị: UBND Phường Minh Khai
Chương: 799

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	193.760.000	36.203.000	18.68	
I	Số thu phí, lệ phí	193.760.000	36.203.000	18.68	
1	Lệ phí				
2	Phí	193.760.000	36.203.000	18.68	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8,611,800,631	1,689,356,846	19.62	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8,611,800,631	1,689,356,846	19.62	
1	Chi quản lý hành chính	7,272,178,631	1,434,947,646	19.73	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,158,893,631	1,013,610,506	19.64	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2,113,285,000	421,337,140	19.93	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	112,000,000	3,460,000	3.09	
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	112,000,000	3,460,000	3.09	
5	Chi bảo đảm xã hội	546,508,000	221,730,800	40.57	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	55,428,000	13,857,000	25	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	491,080,000	207,873,800	42.33	
6	Chi hoạt động kinh tế	472,760,000	3,900,000	0.82	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	472,760,000	3,900,000	0.82	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	10,400,000			
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10,400,000			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	96,720,000	16,000,000	16.54	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	96,720,000	16,000,000	16.54	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	61,234,000	3,218,400	5.26	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12,874,000	3,218,400	25	
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	48,360,000			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	40,000,000	6,100,000	15.25	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	40,000,000	6,100,000	15.25	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 11. tháng 04. năm 2023.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Trọng Bình